

## **Ý KIẾN ĐÓNG GÓP DỰ THẢO THAY THẾ QUYẾT ĐỊNH 493/2005/QĐ-NHNN VÀ QUYẾT ĐỊNH 18/2007/QĐ-NHNN (“DỰ THẢO 493”)**

*Người trình bày  
Nhóm Công tác Ngân hàng*

### **I. Ý KIẾN CHUNG**

Có thể thấy rằng, thay đổi quan trọng nhất tại Dự thảo 493 này là Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”) yêu cầu mọi Tổ chức tín dụng (“TCTD”) phải xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ với các chỉ tiêu và tỷ trọng do NHNN ban hành. Chúng tôi hiểu rõ rằng mục đích của Ngân hàng Nhà nước là muốn đưa ra các tiêu chí chung cho tất cả các Ngân hàng Thương mại hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam trong việc xếp hạng tín dụng nội bộ đối với một khách hàng để từ đó có được đánh giá và nhìn nhận khách quan hơn khi cấp tín dụng cho một đối tượng khách hàng. Và để thực hiện được yêu cầu này, NHNN yêu cầu các Ngân hàng Thương mại phải chủ động có những đầu tư thích đáng về hệ thống thông tin dữ liệu khách hàng và nguồn nhân lực để đánh giá, xếp hạng khách hàng, phân loại nợ, trích lập dự phòng chính xác và kịp thời.

Theo Nhóm Công tác ngân hàng (“BWG”) nhận định, hệ thống phân loại xếp hạng mới dựa trên cơ sở tổ hợp các quy trình phân loại khách hàng theo ngành nghề, quy mô, phân tích bộ chỉ tiêu tài chính, phi tài chính và tài sản đảm bảo để chấm điểm khách hàng sẽ đem lại những thuận lợi cụ thể sau:

1. Khả năng tài chính và trả nợ được đánh giá cụ thể đối với từng khách hàng;
2. Việc đánh giá và xếp hạng khách hàng được thực hiện chính xác hơn nhằm có biện pháp quản lý chất lượng tín dụng phù hợp;
3. Đảm bảo tất cả các khách hàng giống nhau được quản lý giống nhau từ khâu thẩm định, xét duyệt, cấp tín dụng đến quy trình đánh giá, xếp hạng và phân loại nợ;
4. Thông tin đánh giá chính xác khả năng tài chính và trả nợ của từng khách hàng được theo dõi, bổ sung và cập nhật ít nhất mỗi năm một lần nhằm kịp thời điều chỉnh chính xác kết quả phân loại nợ và có biện pháp theo dõi kịp thời đối với các khách hàng suy giảm khả năng trả nợ.

Những điểm nêu trên chính là một số lợi ích mà hệ thống phân loại xếp hạng mới có thể đem lại cho các ngân hàng trong nước của Việt Nam, đặc biệt là khi các ngân hàng này đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống hoạt động của mình, nâng cao khả năng phát triển và phục vụ tốt hơn nhu cầu của thị trường. Tuy nhiên, việc áp dụng hệ thống này cũng cần phải cân nhắc tới những điểm hạn chế như:

- Trên thế giới không có ngân hàng trung ương nào yêu cầu mọi ngân hàng thương mại phải áp dụng cùng một hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ;
- Việc bắt buộc chuẩn hóa các hệ thống/quy trình xếp hạng tín dụng nội bộ trong khi quy trình xếp hạng đó chưa được kiểm nghiệm sẽ khiến toàn bộ hệ thống ngân hàng đứng trước rủi ro không xếp hạng đúng các khách hàng. Điều này cũng không cho phép các ngân hàng có đánh giá khách hàng dựa trên rủi ro của chính mình, và điều này thì không hợp lý trên góc độ quản lý rủi ro.

Chúng tôi, các chi nhánh ngân hàng nước ngoài và ngân hàng 100% vốn nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam, đề nghị NHNN cho phép chúng tôi được áp dụng các quy định nội bộ về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng vì một số lý do như sau:

- Một chi nhánh ngân hàng nước ngoài hay là 100% ngân hàng con là đơn vị phụ thuộc của ngân hàng mẹ. Do vậy, hoạt động nội bộ của Chi nhánh phải phù hợp với các chính

sách và thủ tục nội bộ của ngân hàng mẹ bao gồm cả hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, phân loại nợ và trích lập dự phòng, và đây cũng là điểm bắt buộc đối với chức năng của một Chi nhánh;

- Các Ngân hàng con hiện đang áp dụng cùng hệ thống của cả tập đoàn, và các hệ thống đó đã được hoàn thiện, kiểm nghiệm và chuẩn hóa qua một thời gian dài cùng với những thực tiễn phong phú của các khu vực, thị trường hoạt động của tập đoàn;
- Việc cấp tín dụng của Chi nhánh đối với các khách hàng là các tập đoàn đa quốc gia sẽ dựa vào hạn mức tín dụng của ngân hàng mẹ hoặc các chi nhánh khác ở nước ngoài. Các thông tin tín dụng về khách hàng cũng không thể chỉ dựa vào hoạt động tại Việt Nam mà còn phải được liên tục tổng hợp và cập nhật từ ngân hàng mẹ và các chi nhánh khác ở nước ngoài, mà cụ thể hơn là từ việc xếp hạng tín dụng nội bộ đã được thống nhất trong cùng hệ thống. Bất cứ động thái không tốt nào liên quan đến hoạt động của công ty mẹ tại nước ngoài cũng sẽ được phản ánh lên xếp hạng tín dụng của công ty con tại Việt Nam cho dù công ty con này có hoạt động rất tốt, và đó là cơ sở để chúng tôi trích lập dự phòng tương ứng cho các khoản dư nợ. Điều này cho phép chúng tôi nhìn nhận việc đánh giá khách hàng một cách thận trọng và toàn diện. Vì vậy, việc Chi nhánh hay Ngân hàng con tại Việt Nam áp dụng riêng biệt một hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ riêng, không cùng hệ thống chung của ngân hàng mẹ, sẽ tạo ra những khó khăn, thậm chí sai biệt trong việc đánh giá, xếp hạng và cấp tín dụng cho khách hàng tại Việt Nam. Điều này sẽ là một thiệt thòi lớn cho các khách hàng đang có hoạt động tại Việt Nam, đặc biệt khi xét đến bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh quá trình hội nhập vào nền kinh tế thế giới.
- Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ được chuẩn hóa như nêu trên còn cho phép chúng tôi đối chiếu tương ứng kết quả xếp hạng tín dụng một khách hàng tại Việt Nam với xếp hạng tín dụng của các tổ chức như Standard & Poor's hay Moody's. Từ đó, các nhà đầu tư nước ngoài có thể nhìn thấy rõ ràng vị trí xếp hạng của doanh nghiệp Việt Nam trên thế giới, giúp việc tìm hiểu thông tin và đưa ra các quyết định đầu tư vào Việt Nam trở nên dễ dàng hơn.
- Tỷ lệ trích lập dự phòng của ngân hàng mẹ thường là cao hơn tỷ lệ quy định tại Quyết định 457, ví dụ một khách hàng bị xếp vào nhóm 3 đã có thể phải trích lập dự phòng 100% nếu dự báo ngành nghề hoặc kinh tế không cho thấy những tín hiệu lạc quan trong thời gian tới.

Vì những lý do kể trên, chúng tôi kính đề nghị NHNN xem xét cho phép các Chi nhánh và Ngân hàng con thành lập và hoạt động tại Việt Nam được tiếp tục áp dụng các chính sách, hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ cũng như phân loại nợ và trích lập dự phòng theo ngân hàng mẹ.

Tuy nhiên, tại đây chúng tôi cũng xin trình bày một số ý kiến đóng góp chi tiết về một số Điều khoản cụ thể của Dự thảo 493 tại Mục II dưới đây với mong muốn rằng, từ kinh nghiệm thực tiễn của chúng tôi về phân loại, trích lập dự phòng và xếp hạng tín dụng nội bộ, chúng tôi có thể đóng góp một phần nào vào quá trình xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp lý về các vấn đề liên quan, giúp cải thiện và phát triển môi trường hoạt động của ngành ngân hàng nói riêng và của nền kinh tế Việt Nam nói chung.

## **II. Ý KIẾN VỀ CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ**

Ý kiến của Nhóm Công tác các ngân hàng về từng Điều khoản của Dự thảo được nêu chi tiết tại bảng kê dưới đây:

| S<br>T<br>T | ĐIỀU<br>KHOẢN | DỰ THẢO   | NỘI DUNG GÓP Ý   |
|-------------|---------------|---|--|
| 1.          | <b>Điều 1</b> | <p><i>2.1. Nợ bao gồm các khoản:</i></p> <p><i>a) Cho vay, ứng trước, thấu chi;</i></p> <p><i>b) Cho thuê tài chính;</i></p> <p><i>c) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;</i></p> <p><i>d) Bao thanh toán;</i></p> <p><i>đ) Đầu tư chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn không thể xác định được giá trị thị trường;</i></p> <p><i>e) Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác trong nước, trừ tiền gửi để thanh toán.</i></p> | <p>1. Chúng tôi nhận thấy định nghĩa “Nợ” tại điều khoản này không nhất quán với Điều 8 Khoản 1 của Dự thảo 457. Vậy, “Nợ” tại Dự thảo 493 có bao gồm: (i) Cho vay bao gồm cả cho vay khách hàng và cho vay TCTD; (ii) Các khoản trả thay do thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với khách hàng; (iii) Các khoản đầu tư vào trái phiếu mà khách hàng phát hành do phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khách hàng hay không?</p> <p>2. Kính đề nghị NHNN giải thích rõ hơn về tiêu chí xác định và sự khác biệt giữa tiền gửi thanh toán và tiền gửi không kỳ hạn; hoặc, đưa ra sự thống nhất đối với hai thuật ngữ.</p> <p>3. Tiền gửi tại các TCTD (trừ tiền gửi thanh toán) cũng được đánh giá là cấp tín dụng. Trong khi đó, Điều 18, khoản 3.2 của Dự thảo Thông tư thay thế Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN không tính tiền gửi của TCTD khác là nguồn huy động của TCTD nhận vốn. Chúng tôi đề nghị NHNN xem xét đưa ra một quan điểm thống nhất hơn về vấn đề này. Nếu xét theo quan điểm quản lý mức độ an toàn hoạt động của TCTD mà NHNN không cho phép sử dụng vốn huy động từ TCTD khác để cho vay khách hàng thì vô hình chung NHNN đã vô hiệu hóa vai trò của thị trường liên ngân hàng. Khi đó, mỗi TCTD chỉ hoạt động nội bộ mà không có tương tác lẫn nhau, như vậy sẽ làm giảm tính thanh khoản của dòng vốn trong nền kinh tế.</p> <p>4. Theo ý kiến của chúng tôi, quy định tại khoản 2.1.e là không cần thiết vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chất của các TCTD hoàn toàn khác với những đối tượng khách hàng vay khác. Một khi TCTD bị xuống hạng hoặc bị phân loại nợ, các TCTD khác có liên quan đã ngay lập tức tiến hành các biện pháp cần thiết để cắt hạn mức, giảm rủi ro, vì vậy yêu cầu trích lập dự phòng đối với tiền gửi tại các TCTD khác trong nước sẽ dẫn tới tình trạng lãng phí;</li> <li>- Việc trích lập dự phòng đối với các TCTD sẽ khiến chi phí trích lập bị tăng lên rất nhiều.</li> </ul> <p>Thay vì yêu cầu các TCTD trích lập với các khoản tiền gửi của TCTD, chúng tôi xin đề nghị NHNN đưa ra hướng dẫn về các biện pháp xử lý trong trường hợp TCTD bị xuống hạng hoặc bị phân loại nợ.</p> |
|             |               | <p><i>2.2. Cam kết ngoại bảng bao gồm các khoản:</i></p> <p><i>(...)</i></p> <p><i>b) Cam kết cho vay không huy ngang vô</i></p>  | <p>Kính đề nghị NHNN cho ví dụ hoặc hướng dẫn cụ thể hơn về Điều khoản này. Liệu cam kết cho vay trong một khoảng thời gian nhất định nhưng chưa xác định ngày giải ngân thì có thuộc đối tượng điều chỉnh của khoản này hay không?</p>  |

|    |                        |   |  |
|----|------------------------|---|--|
|    |                        | <i>điều kiện, có thời điểm thực hiện cụ thể.</i>  |  |
|    |                        | <i>Đối tượng và phạm vi điều chỉnh</i>  | <p>Chúng tôi cho rằng nên cho phép Ngân hàng nước ngoài được sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của ngân hàng mẹ hoặc theo từng khu vực. Các ngân hàng này phải tuân theo các chính sách và quy trình toàn cầu/khu vực trong việc đánh giá tín dụng, phê chuẩn, kiểm soát, phân loại, quản lý các biện pháp phục hồi, báo cáo và xóa nợ hoặc trích lập dự phòng, trong khi vẫn đáp ứng được những tiêu chuẩn tối thiểu do NHNN đưa ra.</p> <p>Vì vậy, chúng tôi kính đề nghị NHNN xem xét bổ sung thêm khoản 3 tại Điều 1 như sau:<br/> “Các chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng 100% vốn nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện việc phân loại nợ, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo quy định của ngân hàng mẹ ở nước ngoài”.</p> |
| 2. | <b>Điều 3, khoản 2</b> | <p><i>Ít nhất mỗi quý một lần, trong 15 ngày đầu tiên của tháng đầu quý, tổ chức tín dụng phải rà soát, đánh giá lại việc:</i></p> <p><i>a) xếp hạng khách hàng, các biện pháp quản lý chất lượng tín dụng để có biện pháp quản lý chất lượng tín dụng phù hợp;</i></p> <p><i>b) phân loại nợ đã thực hiện để phân loại lại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tại thời điểm cuối ngày của ngày làm việc cuối cùng của quý và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, báo cáo kết quả phân loại nợ, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và hạch toán kế toán theo quy định.</i></p> | <p>Kính đề nghị NHNN xem xét lại tính thực tế của quy định này. Chúng tôi cho rằng khó có thể đáp ứng được yêu cầu của quy định này khi chưa nhận được báo cáo tài chính mới của khách hàng, còn chưa kể phải tính đến thời gian rà soát, đánh giá lại toàn bộ khách hàng vay. Điều khoản này cũng khó áp dụng nếu công ty thực hiện theo năm tài chính khác, và ngân hàng có thể chưa có báo cáo tài chính mới. Vì vậy, chúng tôi cho rằng việc rà soát, đánh giá lại này nên được thực hiện hàng năm, bởi bất kỳ vấn đề nào phát sinh trong quá trình cho vay sẽ được ngân hàng xử lý theo vụ việc theo các quy định của tập đoàn.</p>   |

|    |               |  |  |
|----|---------------|--|--|
| 3. | <b>Điều 4</b> | <p><i>Khoản 2. Tổ chức tín dụng phải có hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo quy định tại Phụ lục 1 đính kèm để đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, hỗ trợ việc phân loại nợ và xây dựng quy định nội bộ về quản lý chất lượng tín dụng, đảm bảo an toàn cho hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng.</i></p>  | <p>Việc áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo Phụ lục 1 Dự thảo quá phức tạp (37 trang gồm những tiêu chí khác nhau). Chúng tôi kính đề nghị rằng các ngân hàng nước ngoài được phép sử dụng hệ thống xếp hạng nội bộ của tập đoàn với sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”) đối với những tiêu chí chuyển đổi giữa việc hệ thống xếp hạng của NHNN và các tiêu chí hoặc tiêu chuẩn nội bộ của các ngân hàng này.</p> |
|    |               | <p><i>Khoản 4.1. Chính sách tín dụng đối với khách hàng phải có tối thiểu các nội dung sau:<br/>(...)<br/>c) Kiểm tra, kiểm soát trước, trong và sau khi cấp tín dụng;<br/>(...)</i></p>   | <p>Kính đề nghị NHNN xem xét lại tính cần thiết và khả thi của Điều khoản này đối với cho vay hay đặt tiền gửi tại TCTD khác? Ý kiến của chúng tôi đối với các khoản đặt tiền gửi tại các TCTD khác tại điều khoản này cũng tương tự điểm 4 Nội dung góp ý của chúng tôi đối với Điều 1 khoản 2.1.</p>   |
|    |               | <p><i>Khoản 6.4. Trên cơ sở thông tin, dữ liệu về khách hàng đã được thu thập, bổ sung, ít nhất mỗi năm một lần, trước ngày 1 tháng 10 hằng năm, tổ chức tín dụng phải thực hiện việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi các quy trình phân loại khách hàng, hệ thống chỉ tiêu và trọng số của từng chỉ tiêu trong bộ chỉ tiêu tài chính và phi tài chính để chấm điểm, xếp hạng khách hàng. Kết quả rà soát, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của tổ chức tín dụng phải gửi báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) bằng bưu điện</i></p> | <p>Chúng tôi mong muốn được miễn thực hiện yêu cầu này đối với những ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam áp dụng hệ thống của tập đoàn tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế và đã được chấp thuận ở những hệ thống pháp luật phù hợp khác.</p>  |

|  |   |  |
|--|---|--|
|  | <p>hoặc gửi trực tiếp để quản lý, giám sát và thanh tra, kiểm tra.</p>  |  |
|  | <p><i>Khoản 7. Tổ chức tín dụng phải gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) bằng bưu điện hoặc gửi trực tiếp, các tài liệu về Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, gồm:</i></p> <p><i>a) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền về việc xây dựng, ban hành và sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, các quy định nội bộ về quản lý chất lượng tín dụng, chính sách tín dụng đối với khách hàng và chính sách dự phòng được xây dựng trên cơ sở hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ;</i></p> <p><i>b) Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị phê duyệt việc ban hành, sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, các quy định nội bộ về quản lý chất lượng tín dụng, chính sách tín dụng đối với khách hàng và chính sách dự phòng được xây dựng trên cơ sở hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ;</i></p> <p><i>c) Tài liệu mô tả về hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, kèm toàn bộ tài liệu về các quy trình phân loại khách hàng, bộ</i></p> | <p>Chúng tôi kính đề nghị NHNN xem xét cho miễn áp dụng điều khoản này đối với các ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam khi các ngân hàng này đã áp dụng hệ thống của cả tập đoàn tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế và đã được chấp thuận ở những hệ thống pháp luật phù hợp khác.</p> |

|    |               |   |   |
|----|---------------|---|---|
|    |               | <p><i>chỉ tiêu tài chính và bộ chỉ tiêu phi tài chính để chấm điểm khách hàng;</i></p> <p><i>d) Hướng dẫn sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ;</i></p> <p><i>đ) Quy định nội bộ về quản lý chất lượng tín dụng, chính sách tín dụng đối với khách hàng và chính sách dự phòng rủi ro.</i></p> |   |
| 4. | <b>Điều 5</b> | <i>Khoản 3.</i>   | <p>Quy định tại điều này không phù hợp khi yêu cầu đối với các khoản vay của các khách hàng khác nhau để thực hiện cùng một dự án, việc phân loại nợ đối với từng khách hàng thực hiện theo Khoản 1, 2 Điều này và nếu dư nợ của một khách hàng phân loại vào nhóm nợ có độ rủi ro cao hơn so với nhóm nợ của các khách hàng khác còn lại thì toàn bộ dư nợ của các khách hàng khác cũng phải được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn đó.</p> <p>Quy định trên sẽ hạn chế việc tham dự các khoản vay đồng tài trợ đối với khách hàng doanh nghiệp với lý do tình trạng rủi ro tín dụng của bên không có khả năng trả nợ sẽ ảnh hưởng lớn đến phân loại tín dụng của bên có khả năng trả nợ.</p> |

|    |               |  |  |
|----|---------------|--|--|
|    |               | <p><i>Khoản 4. Đối với khoản cho vay hợp vốn, tất cả các tổ chức tín dụng tham gia cho vay hợp vốn, kể cả tổ chức tín dụng đầu mối, phải thực hiện việc phân loại nợ theo quy định tại Thông tư này một cách độc lập và thông báo cho nhau kết quả phân loại nợ chậm nhất trong 5 (năm) ngày làm việc tiếp theo. Toàn bộ nợ của khách hàng tại các tổ chức tín dụng này phải được phân loại vào nhóm nợ cao nhất mà tổ chức tín dụng tham gia cho vay hợp vốn đã phân loại.</i></p>  | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Theo chúng tôi, việc đánh giá rủi ro của các ngân hàng không nên bị ảnh hưởng bởi một ngân hàng khác trong cùng khoản vay hợp vốn tại Việt Nam. Chúng tôi kính đề nghị mỗi tổ chức tín dụng được phép phân loại rủi ro một cách độc lập. Cũng cần phải lưu ý rằng, khoản 2 của Điều này yêu cầu “Khi một phần nợ của khách hàng phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn nhóm nợ của các phần dư nợ còn lại thì toàn bộ số dư nợ và giá trị các cam kết ngoại bảng của khách hàng đó phải được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn đó” và tổ chức tín dụng có thể cấp các khoản tín dụng khác cho khách hàng hoặc những khách hàng có liên quan, điều này sẽ dẫn tới hàng loạt việc phân loại nợ vào nhóm có rủi ro cao hơn bởi các ngân hàng tại Việt Nam. Hơn nữa, với cách phân loại khách hàng như trong Phụ lục 1, với cùng một khách hàng và thông tin về khách hàng đó là như nhau, xếp loại khách hàng tại các TCTD khác nhau có thể được phân loại khác nhau do cơ cấu khách hàng của các TCTD khác nhau. Như vậy khi tham gia cho vay hợp vốn, ngoài khoản vay hợp vốn cho khách hàng đó bị điều chỉnh xếp hạng, các khoản tín dụng khác cho khách hàng đó cũng bị điều chỉnh và thay đổi khoản trích lập dự phòng tương ứng là không thỏa đáng.</li> <li>2. Điều này nên quy định rõ hơn về thời hạn thông báo kết quả phân loại nợ giữa các TCTD cho vay hợp vốn là “05 ngày làm việc được tính sau khi có phê chuẩn cuối cùng từ các ngân hàng tham gia giao dịch”.</li> </ol> |
| 5. | <b>Điều 6</b> | <p><i>Tổ chức tín dụng thực hiện phân loại nợ theo các nhóm sau:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <i>Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn): gồm nợ có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và nợ lãi đúng hạn, khách hàng vay không có bất kỳ dấu hiệu suy giảm nào về khả năng trả nợ, tình hình kinh doanh hay tình hình tài chính.</i></li> <li>2. <i>Nhóm 2 (Nợ cần chú ý): gồm nợ có dấu hiệu có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ gốc, lãi đúng hạn nếu không được khắc phục kịp thời, kể cả các trường hợp hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính có chiều hướng</i></li> </ol> | <p>Các nhóm nợ đã được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 5. Thông tư này nên quy định rõ rằng nhóm 1 bao gồm các khoản xếp hạng từ AAA đến A, nhóm 2 BBB đến BB, nhóm 3 B, CCC và CC, nhóm 4 C và nhóm 5 là D. Trong trường hợp không có khả năng mất vốn thì sẽ không thể phân loại cho từng nhóm. Việc phân loại này nên được ràng buộc bởi tiêu chí khả năng mất vốn.</p>  |

|    |               |  |  |
|----|---------------|--|--|
|    |               | <p><i>suy giảm nhưng không ảnh hưởng đến khả năng trả nợ.</i></p> <p><i>3. Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn): gồm nợ mà tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của khách hàng có dấu hiệu suy giảm rõ ràng ảnh hưởng đến khả năng trả nợ đầy đủ.</i></p> <p><i>4. Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ): gồm nợ mà tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của khách hàng có dấu hiệu suy giảm nghiêm trọng dẫn đến nguy cơ tổn thất cao, không thể thu hồi toàn bộ nợ.</i></p> <p><i>5. Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn): gồm nợ có đủ cơ sở để xác định không có khả năng thu hồi hoặc thu hồi không đáng kể.</i></p> |  |
| 6. | <b>Điều 7</b> | <p><i>Khoản 1. Điều khoản này đưa ra bảng phân loại nợ, chúng tôi xin được diễn giải bằng thành lời cụ thể như sau:</i></p> <p><i>a. Bị cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu → phân loại nhóm 3 đến 5</i></p> <p><i>b. Bị cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu và quá hạn dưới 90 ngày hoặc bị cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần 2 → phân loại nhóm 4 đến 5:</i></p> <p><i>c. Bị cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu và quá hạn từ 90 ngày trở lên hoặc bị cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần 2 quá hạn hoặc bị cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ 3 trở lên → phân loại</i></p>                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều này phân loại nợ dựa trên một tiêu chí khác mà không tương quan và giống với các nhóm nợ như được quy định tại Điều 6. Bên cạnh đó, thực tế, chúng tôi thấy rằng việc phân loại nhóm nợ để trích lập dự phòng dựa theo ngày quá hạn của khoản nợ đem lại một số bất hợp lý, ví dụ khi nợ quá hạn xảy ra không phải do khách hàng mất khả năng thanh toán mà do thiếu ngoại tệ trên thị trường nên các ngân hàng không có đủ nguồn ngoại tệ cung cấp cho khách hàng để trả nợ. Ngoài ra, việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ là do ngân hàng và khách hàng thoả thuận. Nhiều trường hợp khách hàng có khả năng trả nợ, nhưng vẫn xem xét cơ cấu nợ vì tiết kiệm được thời gian và thủ tục thay vì khách hàng trả nợ và phải làm hồ sơ vay mới. Trường hợp khách hàng không có khả năng trả nợ thì trước khi xem xét cơ cấu nợ ngân hàng đã đánh giá xếp loại khách hàng rồi, việc căn cứ cơ cấu nợ để phân loại nợ là không cần thiết nữa. Theo điều khoản này, nợ quá hạn dưới 10 ngày là một nhóm nợ, vậy trong trường hợp có thời gian ân hạn thì sao?</li> <li>- Đối với từng nội dung cụ thể trong bảng phân loại nợ, chúng tôi cũng có một số đóng góp như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>o Điều này yêu cầu chuyển xếp hạng nợ của các khách hàng từ AAA, AA, và A từ "Nhóm 1" xuống "Nhóm 2" sau khi nợ quá hạn từ 10 đến 90 ngày. Theo kinh nghiệm của chúng tôi, và dựa vào vấn</li> </ul> </li> </ul> |



|    |                |   |   |
|----|----------------|---|---|
| 7. | <b>Điều 7</b>  | <i>Khoản 2. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán nợ, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác giữ đến ngày đáo hạn không thể xác định được giá trị thị trường, tổ chức tín dụng thực hiện đánh giá, xếp hạng người phát hành hoặc người cam kết thanh toán như là khách hàng để phân loại nợ tương tự như việc phân loại nợ đối với khách hàng.</i>                               | Theo cách hiểu của chúng tôi, hàng quý, quá trình đánh giá và xếp hạng lại cũng phải được thực hiện đối với chứng khoán được giữ đến ngày đáo hạn, cũng như ý kiến của chúng tôi đối với Điều 3 khoản 2 ở trên, các ngân hàng có thực sự cần phải thực hiện điều này đối với chứng khoán hay không, khi mà chứng khoán đó là siêu quốc gia và không có báo cáo tài chính hàng quý? Liệu các ngân hàng có thể dựa vào các tổ chức định giá, hay định giá của chi nhánh ngân hàng khác ngoài Việt Nam hay không?  |
| 8. | <b>Điều 10</b> | <p>2. Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ như sau:</p> <p>a. Nhóm 1: 0%.</p> <p>b. Nhóm 2: 5%</p> <p>c. Nhóm 3: 20%.</p> <p>d. Nhóm 4: 50%.</p> <p>f. Nhóm 5: 100%.</p> <p>4.1.b Trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc và các loại giấy tờ có giá (trừ trái phiếu của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp): Mệnh giá;</p> <p>4.1.c Chứng khoán do doanh nghiệp và</p> | <p>Theo như chúng tôi hiểu thì “Nhóm nợ” tại điều này được dẫn chiếu trực tiếp đến “Nhóm nợ” tại Điều 6. Nếu vậy, điều này sẽ yêu cầu việc trích lập cho bất kỳ khách hàng AAA/AA/A sẽ không được quá 10 ngày quá hạn hoặc bất kỳ khách hàng được xếp hạng thấp hơn AAA/AA/A khi quá hạn 1 ngày là không thật phù hợp. Ngược lại, khách hàng quá hạn 91-180 và 181-360 ngày chỉ yêu cầu trích lập 20% đến 50% tương ứng là quá thấp so với tiêu chuẩn quốc tế. Chúng tôi kính đề nghị trích lập đầy đủ từ khi quá hạn 181 ngày trở lên.</p> <p>Chúng tôi kính đề nghị sửa lại điều khoản này thành:<br/>Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ <b>tối thiểu</b> như sau:</p> <p>a. Nhóm 1: 0%.</p> <p>b. Nhóm 2: 5%</p> <p>c. Nhóm 3: 20%.</p> <p>d. Nhóm 4: 50%.</p> <p>e. Nhóm 5: 100%.</p> <p>Chúng tôi cho rằng việc áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng ở mức tối thiểu sẽ tạo ra sự linh hoạt trong vận dụng tùy thuộc vào đặc điểm từng ngân hàng cũng như mức độ rủi ro từng món nợ có thể áp dụng tỷ lệ dự phòng cao hơn và mức an toàn cao hơn.</p> <p>Kính đề nghị NHNN làm rõ tại sao điều khoản này lại sử dụng mệnh giá cho trái phiếu chính phủ nhưng lại dùng giá trị thị trường cho chứng khoán doanh nghiệp, trong khi trái phiếu doanh nghiệp cũng có thể được mua bán theo mệnh giá?</p> |

|    |                |  |   |
|----|----------------|--|---|
|    |                | <p><i>tổ chức tín dụng khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm giao dịch chứng khoán: Giá thị trường tại thời điểm cuối ngày làm việc trước ngày trích lập dự phòng cụ thể</i></p> |   |
|    |                | <p><i>4.1.e. Tài sản bảo đảm hình thành từ vốn vay: Giá trị tại thời điểm trích lập dự phòng cụ thể, được tổ chức tín dụng và khách hàng thống nhất.</i></p>   | <p>Giá trị do một công ty định giá độc lập và có đủ năng lực cũng có thể được sử dụng. Đôi khi, khách hàng không đồng ý với các ngân hàng về giá trị tài sản đảm bảo; vì vậy, nếu NHNN không cho phép chúng tôi tham khảo giá tài sản với một công ty định giá thì điều khoản này khó có thể thực hiện.</p>   |
|    |                | <p><i>4.2. Tỷ lệ khấu trừ</i></p>  | <p>Chúng tôi đề nghị bổ sung tín dụng dự phòng của ngân hàng có xếp hạng tín dụng từ BBB là 100%. Tín dụng dự phòng đối với ngân hàng xếp hạng từ BBB tương đương tiền mặt.</p>   |
|    |                | <p><i>4.2. b) Tín phiếu Kho bạc; vàng; tiền gửi trên tài khoản, sổ tiết kiệm bằng ngoại tệ: 95%;</i></p>   | <p>Điều khoản này có được áp dụng với tín phiếu kho bạc Mỹ?</p>   |
| 9. | <b>Điều 11</b> | <p><i>Trích lập dự phòng chung:<br/>Số tiền trích lập dự phòng chung tối thiểu được xác định bằng 0.75% tổng dư nợ và giá trị cam kết ngoài bảng từ nhóm 1 đến nhóm 4</i></p>                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cùng với ý kiến chung của chúng tôi về việc cho phép Chi nhánh và Ngân hàng con được áp dụng chính sách trích lập dự phòng của ngân hàng mẹ, chúng tôi kính đề nghị NHNN cho phép chúng tôi áp dụng cả dự phòng chung và dự phòng riêng theo hội sở, tránh tình trạng không thống nhất khi dự phòng cụ thể được thực hiện theo hội sở còn dự phòng chung lại theo quy định của NHNN.</li> <li>- Bên cạnh ý kiến trên, chúng tôi cũng có các ý kiến khác như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>o Chúng tôi cho rằng tỷ lệ trích lập dự phòng như điều khoản này là quá cao so với tỷ lệ hiện tại đang được áp dụng.</li> <li>o Đề nghị làm rõ dự phòng chung có bao gồm các khoản cam kết cho vay không có bảo đảm không?</li> <li>o Đối với tài sản ngoại bảng, TCTD được áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng ở mức thấp hơn, nhưng không được thấp hơn 75% tỷ lệ dự phòng tài sản nội bảng. Tài sản ngoại bảng mức độ rủi ro thấp hơn tài sản nội bảng.</li> <li>o Chúng tôi cho rằng sẽ tốt hơn nếu thay trích lập dự phòng chung bằng trích lập dự phòng đối với các danh mục đầu tư, phù hợp với chuẩn mực kế toán quốc tế. Hơn nữa, trích lập dự phòng chung được lập cho các nhóm nợ đã được tính cho trích lập dự phòng cụ thể (nhóm 2-4).</li> <li>o Điều khoản này có thể được sửa đổi thành “ Số tiền trích lập dự phòng chung được xác định tối</li> </ul> </li> </ul> |

|     |                  |   |   |
|-----|------------------|---|---|
|     |                  |   | <p>thiếu bằng 0,75% tổng dư nợ và giá trị cam kết ngoài bảng của nhóm 1” vì: (i) Trích lập dự phòng chung chỉ áp dụng đối với nhóm nợ 1 vì các nhóm nợ khác đã được trích lập dự phòng cụ thể rồi; (ii) Áp dụng mức trích tối thiểu bằng 0.75% sẽ linh hoạt hơn cho TCTD áp dụng tỷ lệ cao hơn nếu có rủi ro cao và an toàn hơn.</p>  |
| 10. | <b>Điều 21</b>   | <p><i>Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2010 và thay thế Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.</i></p> | <p>Theo nhận định của chúng tôi, thời điểm bắt đầu hiệu lực thi hành của Thông tư này quá ngắn (01 tháng 10 năm 2010).</p> <p>Do hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo Phụ lục 1 có rất nhiều chỉ tiêu và thang điểm, TCTD cần nhiều thời gian để nghiên cứu, thiết lập và ban hành Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ cũng như chuẩn bị cơ sở hạ tầng tin học để đưa Hệ thống xếp hạng tín dụng vào ứng dụng trong hoạt động phân tích, thẩm định đánh giá khách hàng và khoản tín dụng. Vì vậy, NHNN nên cho các TCTD thêm thời gian để có được một hệ thống hoàn chỉnh. Riêng đối với các Chi nhánh và Ngân hàng con, xét về thực tiễn kỹ thuật, thời gian xây dựng một hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ hoàn toàn mới và riêng biệt và thử nghiệm độ tương thích với hệ thống ngân hàng lõi (core-banking) trên hệ thống của ngân hàng mẹ không thể chỉ là một năm. Vì vậy, chúng tôi kính đề nghị NHNN nên cho phép các ngân hàng có thời gian chuẩn bị ít nhất là 03 năm kể từ ngày ban hành Thông tư này.</p> |
| 11. | <b>Phụ lục 1</b> |   | <p>Như đã được nêu tại ý kiến đóng góp với Điều 4 khoản 2, chúng tôi thấy rằng việc áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo Phụ lục 1 của Dự thảo là quá phức tạp (37 trang gồm các tiêu chí khác nhau). Bên cạnh đó, đối với các chỉ tiêu định tính, Ngân hàng Nhà nước có ban hành hướng dẫn chung cho cách tính điểm đối với mỗi chỉ tiêu để các ngân hàng có thể đánh giá khách hàng dựa trên bảng điểm chung hay không</p>  |

|   |   |
|---|---|
| <p>Mục II, Điều 5 khoản b. Chỉ tiêu hoạt động<br/>(...) <math>\text{Hiệu suất sử dụng tài sản cố định}</math><br/><math display="block">= \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Giá trị còn lại của tài sản bình quân bình quân}}</math></p>  | <p>Chúng tôi kính đề nghị sửa tên chỉ tiêu thành “Giá trị còn lại của TSCĐ bình quân”</p>   |
| <p>Mục II, Điều 5 khoản d. Chỉ tiêu sinh lời</p>  | <p>Bảng tỷ trọng tại điều khoản này có tổng tỷ trọng là 107% chứ không phải là 100%</p>   |
| <p>Mục II, Điều 5 khoản d. Chỉ tiêu sinh lời<br/>(...) <math>\text{Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần}</math><br/><math display="block">= \frac{\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} - \text{Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính} + \text{Chi phí cho hoạt động tài chính}}{\text{Doanh thu thuần}}</math></p> | <p>Tên chỉ tiêu và công thức không phù hợp (Tên chỉ tiêu là Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh nhưng trong công thức tử số lại là Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trừ đi lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính)</p>   |
| <p>Mục II, khoản 6c. Chỉ tiêu quan hệ với các TCTD<br/>Chỉ tiêu số 9. Mức độ sử dụng các dịch vụ (tiền gửi và các dịch vụ khác) của TCTD so với các TCTD khác (không bao gồm cho vay)</p>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong trường hợp vay hợp vốn, khách hàng sẽ không có tài khoản tại các ngân hàng tham gia, chỉ có tài khoản tại ngân hàng đầu mối. Như vậy sẽ đánh giá yếu tố này như thế nào?</li> <li>- Hơn nữa, các thông tin sử dụng dịch vụ ngân hàng thường là thông tin bảo mật của khách, khách hàng không thể cung cấp đầy đủ thông tin cho ngân hàng để phục vụ việc đánh giá được.</li> <li>- Chúng tôi xin đề nghị xoá bỏ chỉ tiêu này do việc thiếu thông tin để đánh giá.</li> </ul> |
| <p>Mục II, Điều 6.e. Chỉ tiêu đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp</p>  | <p>Các chỉ tiêu đánh giá quá chi tiết và bao gồm rất nhiều thông tin mật của khách hàng như mức độ bảo hiểm tài sản của khách hàng, mức độ phụ thuộc vào nhà cung cấp, mức độ phụ thuộc vào khách hàng đầu ra. Do vậy, sẽ rất khó cho ngân hàng có thể thu thập đầy đủ thông tin để đánh giá các yếu tố trên.</p>   |
| <p>Mục III, Điều 2.1. c. Chỉ tiêu khả năng thanh khoản</p>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng tỷ trọng bảng tỷ trọng là 90% chứ không phải 100%.</li> <li>- Ngoài ra, tại đây sử dụng 2 thuật ngữ khác nhau “tiền gửi và vay liên ngân hàng” và “công nợ liên ngân hàng” cho cùng một chỉ tiêu, vì vậy chúng tôi cho rằng có thể dùng đơn giản và thống nhất là “Nợ liên ngân hàng”.</li> </ul>   |

|  |  |  |   |
|--|--|--|---|
|  |  | <p>Mục III, Điều 2.1.c.<br/>         (...) Tổng vốn huy động ngoài thị trường liên ngân hàng<br/>         = Tiền gửi khách hàng và các khoản phải trả khách hàng + Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro</p>  | <p>Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro không được tách trên báo cáo tài chính của TCTD nên không lấy được chỉ tiêu này.</p>  |
|  |  | <p>Mục III, Điều 2.1.c<br/>         Tỷ lệ tổng dư nợ ròng so với tổng vốn huy động ngoài thị trường liên ngân hàng<br/>         =</p> $\frac{\text{Tổng dư nợ ròng}}{\text{Tổng vốn huy động ngoài thị trường liên ngân hàng}}$ <p>Trong đó, Tổng dư nợ ròng = Tổng dư nợ tín dụng – Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể</p> | <p>Tỷ số có tính đến cho vay liên ngân hàng trong khi mẫu số lại loại trừ huy động trên thị trường liên ngân hàng. Như vậy, ngoại diện của tử số và mẫu số không thống nhất làm cho người phân tích khó đưa ra nhận định chính xác dựa trên kết quả tính được của tỷ lệ này.</p>  |
|  |  | <p>Mục III, Điều 2.2. Bộ chỉ tiêu phi tài chính</p>  | <p>Chỉ tiêu cấp 2 của Chỉ tiêu năng lực lãnh đạo, môi trường nội bộ và khả năng cạnh tranh của tổ chức tín dụng quá khó đánh giá. Nhiều thông tin được coi là bí mật kinh doanh, không được tiết lộ, đặc biệt là cho các đối thủ cạnh tranh. Cũng tương tự như vậy đối với chỉ tiêu cấp 2 của Chỉ tiêu mức độ bền vững của sự phát triển kinh doanh.</p>  |
|  |  | <p>Mục IV, Điều 1. Bộ chỉ tiêu chấm điểm khách hàng cá nhân</p>  | <p>Chúng tôi cho rằng phương pháp chấm điểm cho cá nhân như trong Phụ lục là quá chi tiết, không phù hợp với các khoản vay nhỏ hoặc các khoản cho vay bằng tiền mặt. NHNN có thể xem xét đưa ra mức tối thiểu của khoản vay để áp dụng bộ chấm điểm này và điểm vi phạm cho các khoản vay bằng tiền mặt. Trên thực tế, số lượng các khoản vay cá nhân rất lớn và tăng theo từng ngày, vì vậy, chấm điểm cho tất cả các khoản vay này không phải là một giải pháp hay.</p> |